

Số: **4054**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp triển khai thực hiện Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp Quận/huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và các tỉnh có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 1/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đăng ký thành lập với mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau khi đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BKH ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Chỉ thị 13-CT/TU của Thành ủy ngày 09/6/2009 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng về việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội thành phố; Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 10/6/2009 của UBND thành phố Hà Nội về ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố đến năm 2010, định hướng đến năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 4092/QĐ-UBND ngày 17/9/2012, về việc phê duyệt Kế hoạch phân bổ kinh phí Chương trình Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội năm 2012;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 393/TT-KH&ĐT ngày 26 / 6 /2013,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế phối hợp triển khai thực hiện Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận/ huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội*”.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./ 2

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
  - TT Thành ủy, TT HĐND TP;
  - Chủ tịch UBND TP;
  - Phó Chủ tịch UBND TP;
  - VPUBTP: CPVP, phòng TH;
  - Lưu: VT.
- (đề b/c)

420

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH *Đ. B.*  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

## **QUY CHẾ**

**Phối hợp triển khai thực hiện Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh qua mạng cấp Quận/ Huyện thuộc Thành phố Hà Nội.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 405/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của  
UBND thành phố Hà Nội)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi:**

Quy chế này quy định cơ chế phối hợp và trách nhiệm giữa các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh đối với Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập và hoạt động theo luật Hợp tác xã, luật Doanh nghiệp trên Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận/ huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

###### **2. Đối tượng áp dụng:**

a. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh khi thành lập Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

b. Các cán bộ công chức, viên chức đang làm việc tại các phòng Tài chính - Kế hoạch ( hoặc phòng Kinh tế), bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh; các cá nhân được ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký kinh doanh của các đơn vị quận, huyện, thị xã; các Sở, Ban ngành liên quan thuộc thành phố Hà Nội.

##### **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện:**

1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ĐKKD) đối với Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực hướng dẫn thi hành;

2. Thực hiện cập nhật theo Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ĐKKD cấp quận, huyện và quy định của các cơ quan có liên quan.

3. Hệ thống phần mềm đăng ký kinh doanh cấp quận huyện được xây dựng theo nguyên tắc tập trung cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh, hợp tác xã, chi nhánh và văn phòng đại diện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

### **Điều 3: Giải thích từ ngữ**

1. **“Hệ thống phần mềm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội”**: là Hệ thống thông tin dịch vụ công mức 3 phục vụ công tác đăng ký, tiếp nhận, cấp và quản lý các loại hình đăng ký kinh doanh: Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, Chi nhánh và Văn phòng đại diện (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) được quy định tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư 01/2013/TT-BKH ngày 21/01/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Hệ thống bao gồm các cấu phần cơ bản: Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu của Thành phố Hà Nội về đăng ký kinh doanh (*Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã*); chương trình ứng dụng phục vụ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quản lý doanh nghiệp thuộc 29 quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố và Hạ tầng kỹ thuật Hệ thống.

Là hệ thống thông tin để các cán bộ công chức thuộc UBND các quận, huyện, thị xã tiếp nhận hồ sơ, thụ lý và trả kết quả giải quyết các thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh; các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng (hoặc trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính), truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp để phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh, khai thác và công bố các nội dung thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

2. **“Hạ tầng kỹ thuật Hệ thống”**: là tập hợp các thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm), thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng.

3. **“Cơ quan quản lý và vận hành Hệ thống”**: là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính và các phòng Tài chính Kế hoạch (phòng Kinh tế) thuộc UBND các quận/ huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

4. **“Người sử dụng Hệ thống”**: là các cán bộ, công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính và các phòng Tài chính Kế hoạch thuộc UBND các quận/ huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội, cán bộ công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội khai thác, quản lý và vận hành Hệ thống; tổ chức, cá nhân đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người tra cứu thông tin đăng ký doanh nghiệp, công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tìm hiểu thông tin khác về đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Thành phố Hà Nội.

### **Điều 4. Thời gian chính thức sử dụng phần mềm:**

Thời gian chính thức áp dụng phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên toàn địa bàn Thành phố từ ngày 01/7/2013.

**Điều 5. Thời gian giải quyết - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh:**

**1. Thời gian giải quyết các thủ tục hành chính:** Thời gian giải quyết thủ tục hành chính ĐKKD cấp Quận/Huyện: Trong thời gian 05 ngày (cho cả hồ sơ qua mạng và hồ sơ nộp trực tiếp, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định).

**2. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính:**

a. *Trường hợp hồ sơ đã hợp lệ:* là “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” đối với (Hộ kinh doanh, Hợp tác xã) hoặc “Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động” đối với (chi nhánh, văn phòng đại diện).

b. *Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ:* là “Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ” của đơn vị cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và cá nhân đăng ký kinh doanh.

## **Chương II**

### **HỆ THỐNG MẠNG THÔNG TIN**

**Điều 6. Hệ thống mạng nội bộ:**

1. Hệ thống mạng nội bộ của các đơn vị triển khai phần mềm đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận, huyện phải đảm bảo hiệu năng cho các ứng dụng, khả năng sẵn sàng và đảm bảo an toàn hệ thống.

2. Đảm bảo kết nối liên tục với hệ thống mạng WAN của Thành phố.

**Điều 7. Yêu cầu hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống:**

1. Mỗi người dùng có tối thiểu một nút mạng, có nút mạng dự phòng; mỗi phòng làm việc có tối thiểu 1 máy in.

2. Hệ thống mạng hoạt động liên tục, nhanh, ổn định và an toàn, đáp ứng được yêu cầu về thông lượng cho các ứng dụng nghiệp vụ, hệ thống.

3. Có các giải pháp kiểm soát việc truy cập mạng đảm bảo các quy định về an ninh, các chính sách bảo mật.

4. Tuân theo các tiêu chuẩn về bấm dây, dán nhãn, chuẩn cáp mạng, cách thức đi dây, đấu nối, phân bổ nút mạng. Dây mạng, dây điện không chồng chéo lên nhau và phải được bảo vệ khỏi sự phá hoại hoặc can thiệp trái phép. Hạn chế đi dây mạng xuyên qua những khu vực công cộng.

5. Việc thiết kế, lắp đặt phải đảm bảo khả năng mở rộng, thuận tiện trong quản lý, sử dụng và khắc phục sự cố.

6. Các máy tính người sử dụng được cài đặt Hệ điều hành Windows XP, Windows 7 hoặc các phiên bản mới hơn, kèm theo các trình duyệt web phổ thông (IE, FireFox, Google Chrome, ...) các ứng dụng văn phòng và bộ gõ tiếng Việt theo tiêu chuẩn Unicode.

Được cài đặt các chương trình phòng chống virus, phòng chống các phần mềm gián điệp, keylog, ...



## Chương III

### TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP ĐĂNG KÝ KINH DOANH

#### Điều 8. Hoạt động của phần mềm:

1. Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp quận huyện là dịch vụ công mức 3 gồm 2 phần chức năng chính: phần cấp đăng ký kinh doanh offline (phục vụ công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại BPMC) và phần cấp đăng ký kinh doanh online (cho phép người dân có thể thực hiện đăng ký thành lập Hộ kinh doanh, Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh qua mạng).

2. Quá trình trao đổi, tổng hợp thông tin trên phần mềm được thực hiện theo hai chiều:

a. Các quận, huyện truy cập vào phần mềm thông qua mạng WAN của Thành phố do Sở Thông tin Truyền thông xây dựng để cập nhật, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, để quản lý, tổng hợp báo cáo theo yêu cầu, đồng thời truy cập vào phần mềm để theo dõi quản lý các Doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn của mỗi quận, huyện do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b. Cấp Thành phố truy cập vào phần mềm để quản lý, tổng hợp báo cáo tình hình cấp GCN ĐKKD trên toàn địa bàn theo định kỳ hoặc khi có yêu cầu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội thực hiện nhiệm vụ duy trì, chỉnh sửa và cập nhật các mẫu biểu khi có thay đổi về Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoặc yêu cầu từ các quận, huyện.

#### Điều 9. Trình tự, thủ tục cấp đăng ký kinh doanh:

1. Tiếp nhận hồ sơ nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

a. **Bước 1:** Công dân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa được cán bộ tại BPMC tiếp nhận, in Giấy Biên nhận trả công dân đồng thời chuyển (*bàn giao*) hồ sơ (*cả trên phần mềm và hồ sơ công dân nộp trực tiếp*) đến phòng Tài chính Kế hoạch;

b. **Bước 2:** Lãnh đạo phòng Tài chính Kế hoạch truy cập vào phần mềm, căn cứ danh sách bàn giao hồ sơ từ Bộ phận một cửa để phân công cán bộ thụ lý hồ sơ trên phần mềm;

c. **Bước 3:** Cán bộ thụ lý kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo phân công:

- *Nếu hồ sơ là hợp lệ:* cán bộ thụ lý tiến hành cập nhật tiếp các thông tin của hộ đăng ký kinh doanh cá thể, hợp tác xã vào phần mềm, bấm chuyển đến Trưởng phòng để kiểm duyệt.

- *Nếu hồ sơ chưa hợp lệ:* cán bộ thụ lý dự thảo thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ, bấm chuyển đến Trưởng phòng để kiểm duyệt.

d. **Bước 4:** Trưởng phòng đăng nhập vào phần mềm để kiểm duyệt các nội dung do chuyên viên dự thảo: đồng ý/ không đồng ý - duyệt hồ sơ;

e. **Bước 5:** Cán bộ thụ lý căn cứ vào ý kiến “đã duyệt” của Trưởng phòng để tạo mã số ĐKKD - in Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc in Thông báo bổ sung hồ sơ.

f. **Bước 6:** Trưởng phòng kiểm duyệt lại hồ sơ và ký GCN ĐKKD hoặc ký Thông báo bổ sung hồ sơ; Bấm chuyên hồ sơ đã duyệt qua bộ phận “một cửa” trên phần mềm, thông tin về trạng thái hồ sơ được cập nhật đồng thời trên website để công dân tra cứu qua mạng.

g. **Bước 7:** Trả kết quả tại Bộ phận “một cửa”: công dân ký nhận kết quả là Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu hồ sơ hợp lệ) hoặc Thông báo bổ sung hồ sơ (nếu hồ sơ chưa hợp lệ) sau khi đã nộp lệ phí theo quy định hiện hành.

## 2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký qua mạng Internet:

Quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ được kê khai qua mạng gồm 7 bước chính:

a. **Bước 1:** Công dân truy cập vào website phần mềm ĐKKD qua mạng, đăng ký tạo tài khoản cá nhân (có thể sử dụng tài khoản này lâu dài để giao dịch qua mạng).

- Chọn loại hình thực hiện - nhập thông tin về hồ sơ đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại website.

- Bấm gửi hồ sơ trên hệ thống, đồng thời sẽ nhận được thông tin xác nhận cùng số giấy xác nhận và sử dụng tài khoản cá nhân được cấp để truy cập vào hệ thống theo dõi tình trạng, chỉnh sửa hồ sơ khi có thông tin phản hồi;

Cán bộ tại Bộ phận một cửa tiếp nhận qua mạng, kiểm tra đầu mục các loại giấy tờ theo quy định đối với các loại thủ tục, chuyên (bàn giao) hồ sơ (đã đủ đầu mục giấy tờ theo quy định) trên phần mềm đến phòng Tài chính Kế hoạch;

b. **Bước 2 - 6:** Việc xử lý các công đoạn tiếp theo của hồ sơ được kê khai qua mạng tương tự như quá trình xử lý hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp tại Bộ phận “một cửa”.

c. **Bước 7:** Trả kết quả:

+ Nếu hồ sơ không hợp lệ: Bộ phận “một cửa” bấm chuyên trên phần mềm trả công dân Thông báo bổ sung hồ sơ thông qua tài khoản của mình.

+ Nếu hồ sơ hợp lệ: Cán bộ thụ lý in giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trình lãnh đạo ký phê duyệt; công dân in Giấy thông báo hồ sơ đã hợp lệ (nhận được từ Hệ thống thông qua tài khoản đã đăng ký) và mang tới Bộ phận “một cửa” để nhận Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Bộ phận “một cửa” kiểm tra chứng minh thư nhân dân, căn cứ mã số giấy xác nhận mà hệ thống đã cấp cho công dân và in Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh trên phần mềm, yêu cầu công dân ký và ghi rõ họ tên trên Giấy đề nghị; Trả Giấy chứng nhận ĐKKD cho công dân sau khi đã nộp lệ phí theo quy định.

\* *Hồ sơ đăng ký qua mạng* là hợp lệ sẽ được hệ thống tự động cập nhật thông tin vào hệ thống phần mềm phục vụ tác nghiệp nội bộ.

## **2. Thủ tục tạm ngừng hoạt động và thủ tục giải thể:**

Các bước tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận một cửa và các bước xử lý hồ sơ tại phòng Tài chính – Kế hoạch tương tự như đối với một hồ sơ đăng ký kinh doanh thông thường, tuy nhiên kết quả giải quyết sẽ là thông báo tạm ngừng hoạt động hoặc thông báo giải thể.

### **Điều 10. Kết nối, sử dụng phần mềm:**

Việc kết nối, sử dụng phần mềm đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận, huyện được thực hiện thông qua giao diện Web tại các địa chỉ sau:

1. Tại địa chỉ <http://dkkdqh.hapi.gov.vn> hoặc Website của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.hapi.gov.vn>)/**Hỗ trợ cấp GCN ĐKKD quận huyện** qua đường Internet.

2. Tại địa chỉ: <http://10.11.66.66/dkkdqh> qua mạng WAN của Thành phố do Sở Thông tin Truyền thông là đơn vị tiến hành triển khai cung cấp, quản lý.

## **Chương IV**

### **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP TRÊN HỆ THỐNG PHẦN MỀM CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH QUA MẠNG CẤP QUẬN, HUYỆN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

#### **Điều 11. Quy định chung về cơ sở dữ liệu của Hệ thống.**

1. Cơ sở dữ liệu của Hệ thống phần mềm cấp GCN ĐKKD cấp quận, huyện thuộc Thành phố Hà Nội bao gồm cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cơ bản và cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trực tuyến. Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp cơ bản được dùng để lưu trữ các thông tin về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong đăng ký doanh nghiệp, các quyết định chấp thuận hồ sơ hay từ chối hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của cán bộ phòng Tài chính – Kế hoạch cấp quận, huyện, thông tin về lịch sử đăng ký doanh nghiệp.

2. Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trực tuyến dùng để lưu trữ dữ liệu về hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khi các tổ chức/ cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu này kết hợp với Cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh cơ bản khi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định.



**Điều 12. Cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hồ sơ đăng ký kinh doanh.**

Trên cơ sở dữ liệu hiện có của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu của Hệ thống phần mềm cấp Giấy chứng nhận ĐKKD cấp quận, huyện thuộc Thành phố Hà Nội, doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện việc cập nhật, bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Luật doanh nghiệp, như sau :

1. Trường hợp doanh nghiệp chỉ cập nhật, bổ sung những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính thì doanh nghiệp thực hiện việc cập nhật theo quy định của pháp luật. Các thông tin cập nhật, bổ sung về điện thoại, email của doanh nghiệp là bắt buộc.

2. Trường hợp doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều này, doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã kê khai.

**Điều 13. Số hóa thông tin trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp của Hệ thống phần mềm.**

1. Trên cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp do địa phương quản lý, Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp quận, huyện, thị xã có trách nhiệm thực hiện việc số hóa thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của địa phương mình vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp của Hệ thống theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp dữ liệu doanh nghiệp được chuyển đổi từ dữ liệu doanh nghiệp của địa phương sang Cơ sở dữ liệu của Hệ thống, bao gồm những dữ liệu dạng file Word, Excel, SQL, My SQL, Sở Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ chuyển đổi vào Cơ sở dữ liệu của Hệ thống.

3. Các dữ liệu trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa thông tin (dữ liệu dạng bản giấy, dữ liệu quản lý bằng sổ sách viết tay), phòng Tài chính – Kế hoạch hàng năm xây dựng kế hoạch triển khai và kế hoạch ngân sách tổ chức thực hiện việc số hóa và lưu trữ đầy đủ thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống.

4. Trường hợp thực hiện cấp đăng ký thành lập doanh nghiệp mới trên Hệ thống, việc số hóa thông tin về tài liệu hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo quy trình Hệ thống.

**Điều 14. Tạo lập và chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp từ dữ liệu doanh nghiệp tại địa phương sang Cơ sở dữ liệu của Hệ thống về đăng ký doanh nghiệp .**

Việc tạo lập và chuyển đổi dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Trên cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp tại địa phương và dữ liệu hiện có trong Cơ sở dữ liệu của Hệ thống về đăng ký doanh nghiệp, định kỳ hàng quý, năm, phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với dữ

liệu thực tế của địa phương để chuyển đổi bổ sung dữ liệu còn thiếu vào trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp của Hệ thống.

a. Trường hợp dữ liệu về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp do Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp và lưu trữ, quản lý.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp và gửi dữ liệu về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp còn thiếu về Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội để thực hiện việc chuyển đổi.

b. Trường hợp dữ liệu về doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp do Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền khác cấp và lưu trữ, quản lý.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc ngoài Hệ thống. Sau khi hoàn tất, phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp và gửi dữ liệu doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp được cấp đổi về đơn vị quản lý và vận hành Hệ thống để được hỗ trợ chuyển đổi vào Cơ sở dữ liệu của Hệ thống.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu của Hệ thống về đăng ký doanh nghiệp do được chuyển đổi từ cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh của địa phương mình, đảm bảo các thông tin chuyển đổi là trùng khớp so với thông tin gốc. Các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Tài chính – Kế hoạch là thông tin gốc về doanh nghiệp khi quá trình chuyển đổi dữ liệu được thực hiện.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm kết quả việc tạo lập và chuyển đổi dữ liệu gửi về đơn vị quản lý và vận hành Hệ thống để theo dõi và quản lý.

## Chương V

### AN NINH VÀ BẢO MẬT HỆ THỐNG

#### Điều 15. Những hành động bị nghiêm cấm:

1. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân lập trang thông tin điện tử, công thông tin với tên gọi trùng hoặc gây nhầm lẫn với Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận/huyện (<http://dkkdqh.hapi.gov.vn>).

2. Nghiêm cấm các hành vi làm cản trở, ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi nhận thông tin hoặc thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, phá hoại Hệ thống.

3. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin được lấy ra từ cơ sở dữ liệu của Hệ thống vào mục đích kinh doanh hoặc mục đích khác mà chưa được sự cho phép của đơn vị chủ quản.

## **Điều 16. An ninh và bảo mật hệ thống:**

Hệ thống phải được thường xuyên giám sát, theo dõi đảm bảo các nguyên tắc về an toàn thông tin trong hệ thống bao gồm:

1. Tính bí mật: Các thông tin cá nhân của người dùng phải được đảm bảo bí mật. Thông tin cá nhân không thể bị tiếp cận bởi những người không có thẩm quyền.
2. Tính nguyên vẹn: Thông tin chỉ có thể bị sửa, xóa, hoặc bổ sung bởi cá nhân chủ sở hữu thông tin.
3. Tính sẵn sàng: Thông tin luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dùng.
4. Tính không thể nhận: Người khởi tạo thông tin không thể phủ nhận trách nhiệm đối với thông tin do mình tạo ra.
5. Tính xác thực: Xác định được nguồn gốc của thông tin.

## **Điều 17. Quản lý mật khẩu:**

1. Các cán bộ, công chức tác nghiệp trên phần mềm có trách nhiệm tiếp nhận tài khoản và mật khẩu người dùng.
2. Người dùng sau khi tiếp nhận phải đổi mật khẩu ngay sau khi tiếp nhận trong thời gian một ngày.
3. Mật khẩu, tài khoản người dùng phải được giữ bí mật và chỉ bàn giao cho đúng người sử dụng.
4. Người dùng có trách nhiệm về mọi hoạt động của tài khoản đã được bàn giao.
5. Người dùng có trách nhiệm giữ bí mật mật khẩu của mình và phải thông báo kịp thời nếu mật khẩu bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép mật khẩu của mình.
6. Mật khẩu phải được đảm bảo độ phức tạp về độ dài, nội dung và thời gian sử dụng:
  - a. Độ dài của mật khẩu: Độ dài tối thiểu là 6 ký tự.
  - b. Nội dung mật khẩu: Nội dung của mật khẩu không bao gồm các từ dễ nhớ như: tên, ngày sinh, số điện thoại.
  - c. Thời gian sử dụng mật khẩu: Mật khẩu người dùng phải được thay đổi định kỳ, tối thiểu 1 lần trong 3 tháng.

## **Điều 18. Phòng chống virus và phần mềm độc hại:**

1. Không mở các thư điện tử lạ, các tập tin đính kèm hoặc các liên kết trong các thư lạ để tránh virus, mã độc.

2. Không vào các trang Web đáng ngờ, không có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.
3. Cập nhật kịp thời các phần mềm chống virus mới.
4. Báo ngay cho người quản trị hệ thống xử lý trong trường hợp phát hiện nhưng không diệt được virus.

## **Chương VI**

### **KINH PHÍ THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Nguồn vốn đầu tư phát triển và duy trì Hệ thống**

1. Kinh phí sử dụng quản lý và vận hành Hệ thống được sử dụng từ các nguồn sau :

- a. Nguồn ngân sách nhà nước cấp: Chi thường xuyên; chi chương trình mục tiêu Thành phố về ứng dụng công nghệ thông tin.
- b. Nguồn thu hợp pháp của các đơn vị (thu phí, lệ phí được để lại và các nguồn thu khác).

2. Phân cấp thực hiện nguồn vốn:

- a. Cấp Thành phố: Xây dựng kế hoạch trang bị máy móc thiết bị, duy trì và nâng cấp hệ thống mạng, hệ thống phần mềm.
- b. Cấp Quận, Huyện, Thị xã: Xây dựng kế hoạch bổ sung thiết bị, máy tính, máy in, máy scan, bổ sung cơ sở dữ liệu cũ (lưu ở dạng bản cứng, quản lý trên sổ sách chép tay).

#### **Điều 20. Nội dung chi cho Hệ thống:**

1. Những nội dung chi được bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển hoặc vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư :

a. Chi xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa lớn cơ sở hạ tầng Hệ thống: phần mạng (router, switch, hub, access point, firewall, cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối, ...); phần cứng (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện, chống sét, hệ thống làm mát cho hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị ngoại vi khác); xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu.

b. Chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm ứng dụng: Chi phí xây lắp mạng ; Các chi phí xây lắp trực tiếp khác có liên quan: phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, cổng/ trang thông tin điện tử, phần mềm công cụ, phần mềm nền/lõi và phần mềm khác, bao gồm cả việc mua các bản quyền phần mềm.

2. Những nội dung chi được bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên hành chính sự nghiệp hàng năm:

a. Chi mua sắm, nâng cấp cơ sở hạ tầng Hệ thống và phần mềm ứng dụng bao gồm: chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm có mức vốn đầu tư

dưới hạn mức phải lập dự án đầu tư; chi mua sắm, thay thế một phần (dưới 50% tổng giá trị) phần cứng, phần mạng thuộc cơ sở hạ tầng hiện có; Chi mua sắm, gia hạn các bản quyền, phần mềm hoặc bản quyền hóa các phần mềm đang sử dụng chưa có bản quyền ; mua sắm hệ thống điều hòa cho phòng máy chủ.

b. Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa: Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng thông tin phần mạng và phần cứng; chi bảo trì, hỗ trợ vận hành phần mềm (bao gồm cả chi sao lưu - khôi phục định kỳ, đột xuất đối với phần mềm).

c. Duy trì các dịch vụ mạng: đường truyền từ Hệ thống đến các phòng Tài chính – Kế hoạch, đường truyền internet; duy trì tên miền, địa chỉ IP; Thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin (dịch vụ thuê không gian lưu trữ trên internet, dịch vụ lưu ký trang điện tử) ; Các dịch vụ trực tuyến khác (dịch vụ tên miền DNS, dịch vụ xác thực LDAP, dịch vụ tên Windows Internet WINS và các dịch vụ khác).

d. Chi phí quản lý, vận hành Hệ thống, gồm : Lập kế hoạch và giám sát, kiểm tra, đánh giá vận hành, duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin; Quản lý người khai thác, sử dụng; Kiểm soát an toàn mạng, an ninh thông tin, khả năng đáp ứng của hệ thống thông tin; Thống kê, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng lưới hoặc lưu lượng trao đổi thông tin trong mạng; Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong trường hợp khẩn cấp; Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý hệ thống thông tin.

e. Chi tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm : chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hóa thông tin);

f. Chi thuê tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, gồm: tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn mua sắm và tư vấn khác;

g. Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

h. Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại theo chế độ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin;

i. Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền và quảng bá về Hệ thống.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội:**

Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ duy trì, chỉnh sửa và cập nhật các mẫu biểu khi có thay đổi về văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hoặc yêu cầu từ các quận, huyện, thị xã.

1. Hướng dẫn và thống nhất nghiệp vụ chuyên môn về công tác đăng ký kinh doanh trên Hệ thống.



2. Theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ những quy định về công tác đăng ký kinh doanh khi sử dụng Hệ thống.

3. Hàng năm tổng hợp các ý kiến từ các đơn vị về công tác đăng ký kinh doanh để thống nhất hiệu chỉnh, nâng cấp Hệ thống cho phù hợp với nghiệp vụ quản lý.

4. Thực hiện các nghiệp vụ thuộc đơn vị mình quản lý trên Hệ thống (Kết xuất các báo cáo theo quy định của Sở, tổng hợp gửi UBND Thành phố)

#### **Điều 22. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông :**

Cử cán bộ thường xuyên kiểm tra, đảm bảo đường kết nối WAN của Thành phố để các đơn vị cấp Quận/Huyện/Thị xã có thể truy cập, kết nối tới hệ thống phần mềm cấp GCN ĐKKD cấp quận, huyện trên địa bàn Thành phố.

#### **Điều 23 Trách nhiệm UBND các quận/ huyện/ thị xã:**

1. Có trách nhiệm tổ chức, sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang thiết bị cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện tốt công tác phối hợp theo Quy chế này.

2. Công khai các địa chỉ truy cập Website ĐKKD qua mạng tại Bộ phận một cửa, trên các phương tiện thông tin đại chúng để công dân, tổ chức biết và khai thác, sử dụng.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch của các đơn vị:

a. Chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác của thông tin các doanh nghiệp do đơn vị mình quản lý, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo thực hiện toàn bộ nghiệp vụ về đăng ký kinh doanh cho các đơn vị liên quan thực hiện.

b. Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ những quy định về công tác đăng ký kinh doanh theo yêu cầu sử dụng của Hệ thống.

c. Hàng năm tổng hợp ý kiến từ các đơn vị về công tác đăng ký kinh doanh báo cáo đơn vị quản lý và vận hành Hệ thống để thống nhất hiệu chỉnh, nâng cấp Hệ thống cho phù hợp với nghiệp vụ quản lý.

d. Thực hiện các nghiệp vụ thuộc đơn vị mình quản lý trên Hệ thống:

- Nhập thông tin đăng ký mới và đăng ký bổ sung của các doanh nghiệp thuộc đơn vị mình quản lý vào Hệ thống.

- Kết xuất các báo cáo theo quy định trên Hệ thống, tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

#### **Điều 24. Về việc sử dụng phần mềm và dữ liệu:**

1. “Hệ thống phần mềm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua mạng cấp quận/ huyện trên địa bàn Thành phố Hà Nội thành phố Hà Nội” là phần mềm duy nhất được sử dụng trên địa bàn toàn thành phố để tác nghiệp trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp quận/ huyện.

2. Toàn bộ dữ liệu cũng như việc quản lý dữ liệu đăng ký kinh doanh cấp quận/ huyện trên địa bàn thành phố phải được thực hiện trên phần mềm này.

3. Dữ liệu đăng ký kinh doanh cấp quận/ huyện trên địa bàn thành phố là dữ liệu chính thức, được sử dụng để phục vụ công tác quản lý, cấp phép, theo dõi, lập báo cáo thống kê các cấp.

**Điều 25. Tổ chức thực hiện:**

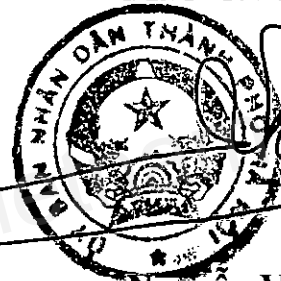
Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các Quận, Huyện, Thị xã trên địa bàn toàn thành phố và các đơn vị liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và tạo điều kiện cho các đơn vị tham gia thực hiện quy chế này.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về đơn vị đầu mối là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH** 

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sửu**